TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**
Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST Ngày 27-12-2019 V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Ánh Duyên

2. Bà Hà Thị Hải

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Hải- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 239/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn H**- sinh năm 1988; nơi cư trú: Khu 03, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2. ***Bị đơn***: Chị **Nguyễn Thị D**- sinh năm 1988; nơi cư trú: Khu 03, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị D tự nguyện kết hôn với nhau ngày 27/10/2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở cùng nhà với bố mẹ đẻ anh tại Khu 03, xã T. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất

đồng với nhau về quan điểm sống nên thường xảy ra cãi vã. Từ năm 2013, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị D nói với anh là đi làm thuê tại thành phố Hà Nội, thỉnh thoảng mới về nhà rồi lại đi ngay và vợ chồng liên lạc với nhau chủ yếu bằng điện thoại. Từ năm 2015, chị D không về địa phương và không ai biết thông tin gì về chị D. Kể từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn H trình bày vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh Nguyễn Văn H trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã báo gọi nhiều lần, tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, thông báo trên báo Công lý và Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam nhưng bị đơn là chị Nguyễn Thị D không hợp tác và không có mặt, nên Tòa án không thu thập được quan điểm của chị D.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu đã trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, xác định:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt không có lý do trong quá trình giải quyết vụ án, là chấp hành pháp luật không nghiêm túc, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

-Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị D.

+ Về con chung; tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Do nguyên đơn không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

+ Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị D đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa cho thấy, vợ chồng anh H, chị D chung sống với nhau được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống, dẫn tới vợ chồng thường nói cãi nhau. Từ năm 2015 đến nay, vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng trong thực tế không còn, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên anh H yêu cầu ly hôn chị D là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2]. Về con chung: Vợ chồng không có con chung, nên không đề cập giải quyết.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Do anh H không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Do anh H yêu cầu, nên anh phải chịu 3.055.000đồng.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 180; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị D.

2. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 3.055.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh Hợp đã nộp là 3.055.000đồng, anh H đã nộp đủ lệ phí.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003367 ngày 30/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Anh H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn H có mặt được quyền kháng cáo đến Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Chị Nguyễn Thị D vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho chị D hoặc được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THA DS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã T;
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Văn Thắng